

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2020/HC-ST

Ngày: 28/8/2020.

V/v khiếu kiện: “Quyết định hành
chính về lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung;

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Công Quyền;
2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HC ngày 15/5/2020 về việc
khiếu kiện: “Quyết định hành chính về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 59/2020/QĐXXST- HC ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Trương Thị A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn Thành, xã XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND thị xã NS.

Địa chỉ: tiểu khu 1, phường HH, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Nhiệm – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Lê Thế Sơn – Phó Chánh Văn pB.

Bà Nguyễn Thị G Chi – Phó Chánh thanh tra.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường XL.

Đại diện theo pháp D: Ông Nguyễn Bá Trí – Chủ tịch UBND phường XL.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Chính – Cán bộ địa chính.

Địa chỉ: phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

3.1. Bà Trương Thị B, sinh năm 1970;

3.2. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: phố 6, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B, ông C:

Ông Nguyễn Văn Lợi, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khu dân cư Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Trương Thị D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: phố 1, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1 - Ông Lê Công E.

Địa chỉ: thôn 4, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

2 - Ông Nguyễn Hữu F.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

3 - Bà Ngô Thị G.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

4 - Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: số nhà 05 phố Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa.

5 - Ông Lê Hữu I.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

6 - Ông Nguyễn Ngọc K.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

7 - Ông Nguyễn Hữu L.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

8 - Ông Lê Đăng M.

Địa chỉ: thôn Sa Thôn, phường XL, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện bà Trương Thị A trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Cuối năm 1969, sau khi lập gia đình bố mẹ bà là ông Trương Bá Mậu và bà Lê Thị Dìn có mảnh đất phía Đông giáp Giếng làng, phía Nam giáp nhà bà Han – Ngừ; phía Tây giáp nhà bà Hải; phía Bắc giáp nhà ông Doanh và nhà ông Bình Ly. Năm 1962 bố bà nhập ngũ, năm 1972 mẹ bà mất do bom Mỹ sát hại, khi đó chị em bà còn nhỏ. Do hai chị em còn quá bé nên ông nội

bà là Trương Bá Chởi đang sống cùng với chú phải chuyển sang ở cùng hai chị em, gia đình bà vẫn sống và lớn lên trên mảnh đất này đợi bố trở về. Năm 1974 gia đình bà nhận được giấy báo tử, chị em bà vẫn sinh sống trên mảnh đất đó và thờ cúng bố mẹ trên mảnh đất đó. Năm 1975 chú ruột bà là ông Trương Bá Mẫn đi bộ đội về và lập gia đình với bà Lê Thị Sáu. Do không có đất ở nên ông nội bà cho gia đình chú ở cùng trên mảnh đất đó. Năm 1982 em gái bà là Trương Thị D đi lấy chồng, bà vẫn còn ở tại mảnh đất đó. Đầu năm 1983 gia đình ông Ly Bình chuyển lên trại Cay ở theo chương trình phát triển kinh tế của nhà nước. Ông nội bà có bàn bạc thống nhất với chị em bà đổi sang khu đất nhà ông Bình và chị em bà có đưa ông nội 2000đ để ông đưa ông Bình. Mảnh đất khi đó phía Bắc giáp nhà ông Lữ, phía Nam giáp nhà bà Hải, phía Tây giáp đường làng, phía Bắc giáp nhà bà Mòn (là mảnh đất mới mà ông Nguyễn Ngọc C ở hiện nay). Tại thời điểm này bà di chuyển việc thờ cúng bố và mẹ sang nơi ở mới. Ông và chú bà cũng chuyển đến chỗ mới tiếp tục sinh sống như trước. Mảnh đất cũ được UBND xã sử dụng và cấp cho gia đình khác. Cuối năm 1983 bà đi lấy chồng, ông nội bà và ông Mẫn tiếp tục ở trên khu đất đó, chị em bà vẫn thường xuyên qua lại hương khói, thờ tự bố mẹ. Đến năm 1984, ông Trương Bá Mẫn muốn bán mảnh đất trên cho ông Lê Đăng M với giá 400đ, bà không đồng ý và đã đưa cho ông Mẫn 400đ để trang trải cuộc sống. Tại thời điểm này mảnh đất này vẫn là di sản dùng vào việc thờ cúng của chị em bà. Năm 1992 ông Trương Bá Chởi được con trai là Trương Bá Mâu đưa về nhà chăm sóc do tuổi cao sức yếu không thể giúp chị em bà hương khói. Năm 1993 gia đình ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị B là con rể, con gái chú Trương Bá Mâu đến ở và chuyển bàn thờ bố mẹ bà về nhà ông Mâu thờ phụng mà không có sự đồng ý của chị em bà. Bà đã nhiều lần đòi lại đất nhưng không được và chị em bà đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Cụ thể:

Ngày 22/7/2014, UBND xã XL đã hòa giải, thống nhất và đưa ra quyết định: Theo diện tích hiện trạng, hiện nay thửa đất số 06, tờ bản đồ số 79, diện tích 721,2m², tách phần đất nông nghiệp cho gia đình bà B 133,2m², phần diện tích còn lại 591m² thống nhất giao lại cho bà Trương Thị A 400m² là đất thờ cúng liệt sĩ, phần diện tích 191m² còn lại giao cho bà Trương Thị B sử dụng. Sau khi được hòa

giải, do điều kiện kinh tế nên bà chưa xây nhà thờ được. Đến ngày 13/10/2019 bà đến gia đình ông C, bà B để thông báo xây nhà thờ thì ông C, bà B không đồng ý giao lại đất.

Ngày 15/10/2019, bà làm đơn lên UBND xã XL nhờ giải quyết thì được thông báo diện tích đất trên đã được UBND huyện Tĩnh Gia (nay là UBND thị xã NS) giải quyết tại Quyết định 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 với nội dung: thửa đất đang tranh chấp là thửa số 1011, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã XL năm 1998 thuộc toàn quyền sử dụng của gia đình bà Trương Thị B (chồng là ông Nguyễn Ngọc C) thôn 6, xã XL, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa nên UBND xã XL không đủ thẩm quyền giải quyết.

Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy Quyết định số Quyết định 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND huyện Tĩnh Gia.

**** Tại văn bản ý kiến số 1734 ngày 05/6/2020, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã NS trình bày:***

Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND huyện Tĩnh Gia là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị Sáu và hộ bà Trương Thị B theo đơn đề nghị của bà Lê Thị Sáu. Kết quả xác L bà Sáu không cung cấp được một trong các loại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất bà Sáu có đơn đề nghị giải quyết và không trực tiếp sử dụng đất. Hộ bà Trương Thị B là người sử dụng đất ổn định liên tục trước ngày 15/10/1993 đến thời điểm giải quyết tranh chấp. Gia đình bà B thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất cho nhà nước (theo biên lai thu thuế nhà đất do hộ gia đình cung cấp từ 1996 đến 2014).

Đối chiếu bản đồ 299 xã XL đo năm 1987 thuộc thửa đất đo bao số 397, tờ bản đồ số 01, diện tích 115,410m² loại đất T, mục kê ghi HTX Sa Thôn.

Đối chiếu bản đồ địa chính xã XL đo năm 1998 thuộc thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 06, diện tích 647m², loại đất T (thổ cư), mục kê ghi Nguyễn Ngọc C (chồng bà Trương Thị B).

Bản đồ địa chính xã XL đo năm 2011 là thửa 06, tờ bản đồ số 79, diện tích 724,2m², loại đất ONT, mục kê ghi Nguyễn Ngọc C.

Hiện trạng gia đình bà Trương Thị B sử dụng vào mục đích đất ở, nhà xây

kiên cố, có khuôn viên rõ ràng, xây tường bao đất ngăn cách với hộ gia đình khác.

Từ kết quả xác L trên, căn cứ Điều 101 D đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND huyện công nhận thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã XL đo năm 1998 thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Trương Thị B (chồng là Nguyễn Ngọc C) thôn 6, xã XL, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa là đúng quy định pháp D. Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị Sáu và hộ bà Trương Thị B đã có hiệu lực pháp D. Do đó việc bà Trương Thị A yêu cầu hủy Quyết định số Quyết định 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND huyện Tĩnh Gia là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A.

**** Tại văn bản ý kiến số 01 ngày 01/6/2020, người đại diện của UBND phường XL, thị xã NS trình bày: (Đọc VB ý kiến của XL)***

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trương Thị B, ông Nguyễn Ngọc C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:* Nguồn gốc đất không phải của ông Chỏi, nguồn gốc đất là của gia đình ông Bình. Sau khi ông Bình chuyển đi nơi khác sống thì vợ chồng ông Mẫn là con trai út của ông Chỏi chuyển đến sống. Năm 1984 gia đình ông Mẫn đi kinh tế mới ở Phú Riềng. Năm 1991 gia đình bà B, ông C chuyển đến sinh sống và quản lý. Mảnh đất gia đình ông bà ở, không hề liên quan gì đến bà A. Toàn bộ các giấy tờ chứng cứ bà Trương Thị A nộp cho Tòa án không hề có bất kì giấy tờ nào liên quan đến chM nhận Quyền sử dụng đất mảnh đất đang tranh chấp nên bà Trương Thị A không có quyền khởi kiện mảnh đất này. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết trả lại đơn khởi kiện cho bà Trương Thị A theo quy định của pháp D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D trình bày:*

Bố bà là ông Trương Bá Mầu nhập ngũ năm 1962, năm 1974 gia đình chúng tôi có nhận được giấy báo tử của bố. Mảnh đất hiện nay gia đình bà B, ông C đang ở là mảnh đất hương hỏa do ông cố và bố bà để lại. Quá trình nguồn gốc đất như bà Trương Thị A đã trình bày. Bà muốn bố bà có nơi thờ cúng, ông là liệt sĩ, đi bảo vệ Tổ Quốc nhưng hiện nay chưa có nơi thờ cúng.

** Người làm chứng Nguyễn Thị H (con gái ông Nguyễn Hữu Bình) trình*

bày: Miếng đất bỏ tôi ở khoảng 500m². Khi đó có 3 nhà gồm nhà tôi, ông Chởi và bà Hải. Ông Chởi khi đó cho vợ chồng con trai đầu là ông Mầu, bố mẹ bà A Nhà chị A khi đó mẹ đi cày bị bom chết, gia đình còn 2 chị e nhỏ ông Chởi có cuu mang 2 chị e bà A. Năm 1980 nhà tôi chuyển đi thì cụ Chởi cùng các cháu sang nhà tôi ở cho rộng, phần đất cũ cụ Chởi cho bố mẹ bà A vẫn còn, sau này cụ Chởi có trả cho hợp tác xã hay chia đất cho ai hay không thì tôi không biết, khi ông Mẫn lấy vợ có ra sống cùng cụ Chởi và các cháu trên đất nhà tôi. Sau này nhà chị B chuyển đến khi nào tôi không biết.

** Người làm chứng Ông Lê Công E trình bày:* Từ năm 1992 đến năm 2004, ông là cán bộ địa chính. Nguồn gốc đất là của cụ Chởi cho vợ chồng con trai đầu là ông Mầu, bố mẹ bà A. Sau khi bố bà A hi sinh, mẹ bà A bị bom thì ông Chởi ra ở cùng các cháu. Năm 1980, 1981 gia đình ông Bình chuyển đi nơi khác thì ông Chởi ông nội bà A có xin trả đất của bố mẹ bà A và xin chuyển sang đất của ông Bình ở. Khi ông Mẫn xây dựng gia đình thì có ra ở với cụ Chởi và chị em nhà bà A. Khi cụ Chởi già yếu, chị em bà A đi lấy chồng thì cụ Chởi chuyển vào sống cùng với vợ chồng ông Mầu là bố mẹ bà B còn chị em bà A đi lấy chồng. Vợ chồng ông Mẫn vẫn ở trên đất. Đến năm 1984 ông Mẫn chuyển đi vùng kinh tế mới ở Phú Riềng, đất để không, cụ Chởi vẫn qua lại để hương khói cho vợ chồng ông Mầu. Tôi không nhớ năm nào gia đình ông C, bà B chuyển ra đó ở.

** Người làm chứng bà Ngô Thị G trình bày:* Chồng tôi là Miễn, em ông Mầu, ông Mầu. Sau khi xây dựng gia đình ông Miễn ở rể nhà vợ. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Chởi. Sau khi ông Mầu, bà Dìn bố mẹ cháu A, D mất thì ông Chởi chuyển sang đất ông Bình ở cho rộng rãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND huyện Tĩnh Gia.

- Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ

thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành việc triệu tập và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của D tố tụng hành chính (sau đây viết tắt là D TTHC).

+*Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 luật TTHC: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền nghĩa vụ liên quan UBND phường XL vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ vào Khoản 1 Điều 158 D Tố tụng hành chính, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

- Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (Thị xã NS). Đây là Quyết định hành chính của người có thẩm quyền về quản lý đất đai mà người khởi kiện cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 30, 32 D TTHC năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ban hành ngày 17/12/2014, nhưng năm 2019 bà A mới được biết và làm đơn khởi kiện. Vì vậy, thời hiệu là 1 năm kể từ ngày nhận được, biết được các quyết định hành chính, nên được xem xét, giải quyết theo điểm a khoản 2 Điều 116 D tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà Trương Thị A:

Thứ nhất: Về thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết tranh chấp số 4700:

Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (Thị xã NS) giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị Sáu (Vợ ông Trương Bá Mẫn) với gia đình ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị B. Tại đơn khiếu nại ngày 16/7/2014 của bà Lê Thị Sáu (BL 73 - 74) bà Sáu yêu cầu giải quyết thừa đất của gia đình bà cùng tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà 3 gian, sân trát xi, chuồng bò, chuồng heo, giếng nước xây đá và 1 số cây cối như ổi, tre, luồng, bạch đàn đang do gia đình bà B, ông C quản lý sử dụng. Vợ chồng ông C, bà B không thừa nhận đất và tài sản của gia đình bà Sáu mà cho rằng đã mua đất và tài sản của ông nội là cụ Trương Bá Chởi (BL 70). Điều đó thể hiện các bên không chỉ tranh chấp nhau về đất mà còn tranh chấp với nhau về tài sản gắn liền với đất.

Tại Điều 203 luật Đất đai năm 2013 quy định theo đó, Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền chỉ giải quyết tranh chấp đối với những trường hợp người sử dụng không có giấy tờ về đất theo quy định của D Đất đai và không có tranh chấp tài sản gắn liền với đất. Các trường hợp khác thì do TAND giải quyết theo quy định Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Trong trường hợp này, lẽ ra sau khi hoà giải không thành UBND cấp có thẩm quyền cần hướng dẫn các bên đương sự khởi kiện tại Toà án để được giải quyết bằng một vụ án dân sự. Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (Thị xã NS) giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị Sáu (Vợ ông Trương Bá Mẫn) với gia đình ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị B là vi phạm thẩm quyền giải quyết quy định tại Điều 203 D đất đai 2013.

Thứ hai: Về trình tự, thủ tục, nội dung và căn cứ ban hành quyết định giải quyết tranh chấp số 4700:

Tranh chấp về thừa đất phát sinh từ năm 2010. Ngoài bà Lê Thị Sáu thì còn có chị em bà Trương Thị A, Trương Thị D (các con ông Trương Bá Mầu – Con trai cả của cụ Trương Bá Chởi) cũng có đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi liên quan đến thừa đất. Quá trình giải quyết tại UBND xã XL thể hiện tại biên bản giải quyết hòa giải ngày 14/5/2010 (BL 78 - 79) và biên bản ngày 22/7/2014 (BL 76 - 77), đều có sự tham gia của các bên. Nội dung các biên bản làm việc đều giải quyết quyền lợi

cho chị em bà A, bà D. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tranh chấp tại UBND huyện Tĩnh Gia, cơ quan tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện đã không xem xét kỹ hồ sơ giải quyết tranh chấp tại cơ sở, biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người liên quan không có sự tham gia của những người liên quan là bà A, bà D. Mặt khác hồ sơ giải quyết tranh chấp tại xã XL, nhiều tài liệu thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của cụ Trương Bá Chởi (ông nội bà A, bà D, bà B) như thừa nhận của ông Nguyễn Ngọc C (BL 70), bà Hoàng Thị Nhu (BL 71 - 72) và kết luận của Chủ tịch UBND xã XL tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2014 (BL 76), nhưng quyết định 4700 đã không xem xét đến nguồn gốc đất đai, công nhận quyền sử dụng thửa đất cho ông C, bà B là chưa đủ cơ sở. Do đó, Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 không đề cập gì đến việc có hay không quyền lợi của bà A và bà D, không xem xét nguồn gốc đất đai là thiếu sót về mặt trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 89 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành D đất đai 2013.

Như vậy, việc ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia giữa bà Lê Thị Sáu và hộ bà Trương Thị B là vi phạm thẩm quyền trình tự, thủ tục và chưa đủ căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A đề nghị hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (Thị xã NS) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Trương Thị A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm M án phí đã nộp. Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (thị xã NS) phải chịu án phí HCST theo quy định của pháp D.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; Điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206; Khoản 3 Điều 345; Khoản 1 Điều 348 luật tổ tụng hành chính; Điều 203 luật Đất đai năm 2013; Điều 89 Nghị định Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính

phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của D Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32_Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A về việc yêu cầu hủy: Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 4700/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (Thị xã NS).

2. Về án phí: Bà Trương Thị A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả cho bà A 300.000^d tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007012 ngày 15/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (thị xã NS) phải chịu 300.000^d án phí HCST

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung